

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33
8. Phụ lục	34 - 36

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

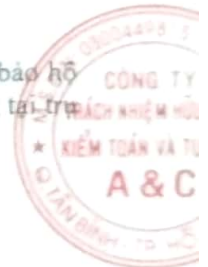
### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm chức năng.



### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Hữu Hoàng Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Công Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Tổng Giám đốc**

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Thế Quyền (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Quyền – Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thế Quyền**  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số: 1.1272/24/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>838.109.248.194</b>	<b>871.634.988.487</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>549.506.820</b>	<b>177.774.751</b>
1. Tiền	111	V.1	549.506.820	177.774.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>799.120.953.819</b>	<b>823.320.765.507</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	784.616.077.466	793.950.130.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.810.167.813	16.056.733.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.891.605.443	38.972.734.816
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.196.896.903)	(25.658.833.744)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.022.710.967</b>	<b>45.367.632.323</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	39.196.348.092	47.029.604.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.173.637.125)	(1.661.972.172)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>416.076.588</b>	<b>768.815.906</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	130.073.742	248.992.296
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		286.002.846	519.823.610
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>150.933.109.232</b>	<b>154.739.188.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>125.263.417.148</b>	<b>82.670.186.569</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	120.436.548.563	78.133.116.965
- Nguyên giá	222		326.707.674.127	277.559.441.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.271.125.564)	(199.426.324.615)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.826.868.585	4.537.069.604
- Nguyên giá	228		8.995.363.253	8.603.940.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.168.494.668)	(4.066.871.274)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.793.677.278</b>	<b>67.852.376.257</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	20.793.677.278	67.852.376.257
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.754.000.000</b>	<b>2.754.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.754.000.000	2.754.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.122.014.806</b>	<b>1.462.625.201</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.122.014.806	1.440.328.858
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	22.296.343
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>989.042.357.426</b>	<b>1.026.374.176.514</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>188.106.589.375</b>	<b>220.352.735.197</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>170.106.589.375</b>	<b>202.352.735.197</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.597.838.436	19.865.185.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.426.543.591	8.707.441.366
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.357.380.680	359.377.140
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2.629.796.893	3.154.598.255
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	877.642.030	743.120.432
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	4.935.884.295	8.276.195.285
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	130.281.503.450	161.246.816.947
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	18.000.000.000	18.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

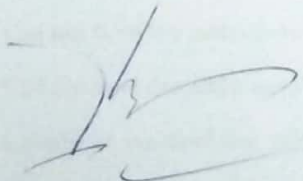
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>800.935.768.051</b>	<b>806.021.441.317</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>800.935.768.051</b>	<b>806.021.441.317</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	460.086.769.551	465.172.442.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		465.172.442.817	465.172.442.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.085.673.266)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>989.042.357.426</b>	<b>1.026.374.176.514</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

  
**Võ Thành Nhân**  
 Kế toán trưởng/ Người lập

  
**Nguyễn Thế Quyền**  
 Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	175.681.397.608	250.764.755.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	24.747.996.152	25.581.387.211
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.933.401.456	225.183.368.371
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	119.402.937.222	186.050.440.904
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.530.464.234	39.132.927.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	66.578.652	303.077.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.345.821.910	6.604.096.943
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.006.198.682	6.483.054.196
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.848.280.556	12.936.762.308
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.735.098.342	6.602.971.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.332.157.922)	13.292.174.827
11. Thu nhập khác	31		18.219.668	392.022.398
12. Chi phí khác	32	VI.8	30.402	2.640.418.889
13. Lợi nhuận khác	40		18.189.266	(2.248.396.491)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.313.968.656)	11.043.778.336
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.749.408.267	4.792.505.608
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	22.296.343	62.047.100
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.085.673.266)	6.189.225.628
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	(369)	449
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	(369)	449



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Võ Thành Nhân  
Kế toán trưởng/ Người lập



Nguyễn Thế Quyền  
Quyền Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.313.968.656)	11.043.778.336
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	6.946.424.343	5.831.077.404
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	9.049.728.112	(448.360.826)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	192.006.076	15.340.690
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	-	(222.706.500)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.006.198.682	6.483.054.196
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.880.388.557	22.702.183.300
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.660.619.776	17.455.526.980
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.833.256.403	9.704.504.160
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.581.475.062)	1.343.288.258
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(562.767.394)	2.210.325.733
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; VI.5	(3.929.167.848)	(6.714.746.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(782.044.840)	(5.759.050.687)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>31.518.809.592</b>	<b>40.942.030.944</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10; V.11, VII	(2.181.683.709)	(7.393.074.906)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.081.442.569
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(181.683.709)</b>	<b>(6.331.632.337)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

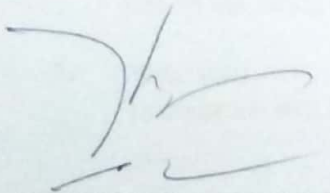
Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	110.674.592.149	190.688.529.265
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(141.639.905.646)	(245.128.179.594)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.965.313.497)</b>	<b>(54.439.650.329)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>371.812.386</b>	<b>(19.829.251.722)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>177.774.751</b>	<b>20.126.949.856</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80.317)	(566.920)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>549.506.820</b>	<b>297.131.214</b>



Võ Thành Nhân  
Kế toán trưởng/ Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thế Quyền  
Quyền Tổng Giám đốc

119  
ÔNG  
NHÌA  
JÁN V  
&  
D



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này của Công ty giảm mạnh so với kỳ trước do nhu cầu dược phẩm và thực phẩm chức năng tiếp tục giảm mạnh sau suy thoái kinh tế toàn cầu và các thay đổi quy định trong đầu thầu thuốc, thiết bị y tế.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 169 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 175 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ; chi phí nghiên cứu và chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

##### **Chi phí nghiên cứu**

Chi phí nghiên cứu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 năm đến 05 năm.

##### **Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

##### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 04 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

1987  
IG T  
EM H  
V VÀ T  
& C  
HỒ



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.





## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	153.267.427	150.681.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	396.239.393	27.092.789
<b>Cộng</b>	<b>549.506.820</b>	<b>177.774.751</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba tháng hai có kỳ hạn 12 tháng đã tất toán trong kỳ.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng	2.754.000.000	3.652.386.600	2.754.000.000	3.607.845.300
<b>Cộng</b>	<b>2.754.000.000</b>	<b>3.652.386.600</b>	<b>2.754.000.000</b>	<b>3.607.845.300</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 445.413 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng (số đầu năm là 445.413 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ).

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành	735.075.637.912	744.939.752.639
Phải thu các khách hàng khác	49.540.439.554	49.010.377.963
<b>Cộng</b>	<b><u>784.616.077.466</u></b>	<b><u>793.950.130.602</u></b>

Toàn bộ khoản phải thu của Công ty được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>50.646.000</i>	<i>50.646.000</i>
Thành viên Hội đồng quản trị	50.646.000	50.646.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>11.759.521.813</i>	<i>16.006.087.833</i>
Công ty TNHH Nam Bửu Long	9.314.468.000	15.042.942.000
Các nhà cung cấp khác	2.445.053.813	963.145.833
<b>Cộng</b>	<b><u>11.810.167.813</u></b>	<b><u>16.056.733.833</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>19.053.545.686</i>	<i>-</i>	<i>20.091.045.686</i>	<i>-</i>
Ông Đào Hữu Hoàng - Lãi cho vay	19.053.545.686	-	20.053.545.686	-
Ông Đào Hữu Hoàng - Tiền tạm ứng	-	-	37.500.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.838.059.757</i>	<i>(14.205.000.000)</i>	<i>18.881.689.130</i>	<i>(14.205.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu	14.205.000.000	(14.205.000.000)	14.205.000.000	(14.205.000.000)
Tạm ứng	4.548.422.534	-	4.570.219.925	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	84.637.223	-	106.469.205	-
<b>Cộng</b>	<b><u>37.891.605.443</u></b>	<b><u>(14.205.000.000)</u></b>	<b><u>38.972.734.816</u></b>	<b><u>(14.205.000.000)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - Tiền bán hàng hóa, thành phẩm	Trên 03 năm	11.453.833.744	-	Trên 03 năm	11.453.833.744	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu	Trên 03 năm	14.205.000.000	-	Trên 03 năm	14.205.000.000	-
Công ty TNHH Nam Bừ Long - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn đầu tư	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	30.900.000.000	21.630.000.000			
Các khoản phải thu khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	891.421.357	623.358.198			
<b>Cộng</b>		<b>57.450.255.101</b>	<b>22.253.358.198</b>		<b>25.658.833.744</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	25.658.833.744	94.028.833.744
Xóa nợ	-	(68.370.000.000)
Trích lập trong kỳ	9.538.063.159	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.196.896.903</b>	<b>25.658.833.744</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.649.707.574	(1.156.787.397)	33.281.983.212	(1.646.156.685)
Công cụ, dụng cụ	469.878.754	-	114.760.980	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.505.438.910	-	3.248.296.502	-
Thành phẩm	2.360.635.465	(16.849.728)	3.945.028.839	(15.815.487)
Hàng hóa	210.687.389	-	6.439.534.962	-
<b>Cộng</b>	<b>39.196.348.092</b>	<b>(1.173.637.125)</b>	<b>47.029.604.495</b>	<b>(1.661.972.172)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng, tiêu thụ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.156.787.397	1.646.156.685
Thành phẩm	16.849.728	15.815.487
<b>Cộng</b>	<b>1.173.637.125</b>	<b>1.661.972.172</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.661.972.172	1.872.284.195
Hoàn nhập dự phòng	(488.335.047)	(448.360.826)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.173.637.125</b>	<b>1.423.923.369</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	130.073.742	120.699.126
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	128.293.170
<b>Cộng</b>	<b><u>130.073.742</u></b>	<b><u>248.992.296</u></b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	472.364.750	440.896.422
Chi phí nghiên cứu	263.166.668	243.000.000
Chi phí sửa chữa	1.104.670.889	756.432.436
Chi phí trả trước dài hạn khác	281.812.499	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.122.014.806</u></b>	<b><u>1.440.328.858</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	88.880.661.856	181.507.829.803	6.131.257.581	1.039.692.340	277.559.441.580
Mua trong kỳ	-	2.150.000.000	-	200.481.818	2.350.481.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	46.797.750.729	-	-	46.797.750.729
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>88.880.661.856</u></b>	<b><u>230.455.580.532</u></b>	<b><u>6.131.257.581</u></b>	<b><u>1.240.174.158</u></b>	<b><u>326.707.674.127</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.831.387.263	126.266.238.139	4.342.020.309	1.039.692.340	135.479.338.051
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	49.365.851.672	144.217.417.328	4.803.363.275	1.039.692.340	199.426.324.615
Khấu hao trong kỳ	2.044.255.056	4.702.730.617	89.461.866	8.353.410	6.844.800.949
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>51.410.106.728</u></b>	<b><u>148.920.147.945</u></b>	<b><u>4.892.825.141</u></b>	<b><u>1.048.045.750</u></b>	<b><u>206.271.125.564</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	39.514.810.184	37.290.412.475	1.327.894.306	-	78.133.116.965
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>37.470.555.128</u></b>	<b><u>81.535.432.587</u></b>	<b><u>1.238.432.440</u></b>	<b><u>192.128.408</u></b>	<b><u>120.436.548.563</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.124.450.497 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.302.609.778	301.331.100	8.603.940.878
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	391.422.375	391.422.375
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.302.609.778</b>	<b>692.753.475</b>	<b>8.995.363.253</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	301.331.100	301.331.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.765.540.174	301.331.100	4.066.871.274
Khấu hao trong kỳ	95.099.688	6.523.706	101.623.394
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.860.639.862</b>	<b>307.854.806</b>	<b>4.168.494.668</b>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.537.069.604	-	4.537.069.604
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.441.969.916</b>	<b>384.898.669</b>	<b>4.826.868.585</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	43.021.769.071	130.474.125	(43.152.243.196)	-
- Dây chuyền thuốc tiêm	42.760.820.821	-	(42.760.820.821)	-
- Phần mềm base	260.948.250	130.474.125	(391.422.375)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	24.830.607.186	-	(4.036.929.908)	20.793.677.278
- Công trình xưởng thuốc tiêm (*)	23.404.978.798	-	(2.790.298.408)	20.614.680.390
- Công trình xưởng thực phẩm chức năng	178.996.888	-	-	178.996.888
- Công trình hệ thống lọc nước và thang máy	1.246.631.500	-	(1.246.631.500)	-
<b>Cộng</b>	<b>67.852.376.257</b>	<b>130.474.125</b>	<b>(47.189.173.104)</b>	<b>20.793.677.278</b>

(\*) Hiện nay, một số hạng mục của xưởng thuốc tiêm vẫn đang trong quá trình xây dựng nên chưa kết chuyển qua tài sản cố định.

Một số chi phí công trình xây dựng cơ bản dở dang đang hoàn thiện có giá trị là 14.388.486.158 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.296.343	62.047.100
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(22.296.343)	(62.047.100)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

##### 12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chi phí lãi vay với số tiền là 1.723.185.872 VND.

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Affordable Quality Pharmaceuticals (Aqp One, Inc)	7.003.410.339	6.713.904.153
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	-	1.995.353.146
Công ty Cổ phần Hoá dược Quốc tế Phương Nam	2.266.708.750	783.663.650
Các nhà cung cấp trong nước	13.327.719.347	10.372.264.823
<b>Cộng</b>	<b>22.597.838.436</b>	<b>19.865.185.772</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc	1.838.624.999	1.201.879.114
Công ty TNHH MTV Gamma	1.393.526.453	1.225.265.152
Merh Trading Co., Limited	-	1.407.112.875
Công ty TNHH Present Pharma	1.096.496.000	1.600.924.000
Công ty Cổ phần Villamed	1.163.445.612	509.059.500
Các khách hàng khác	1.934.450.527	2.763.200.725
<b>Cộng</b>	<b>7.426.543.591</b>	<b>8.707.441.366</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	172.149.368	(172.149.368)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	338.800.159	(338.800.159)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.449.173	(26.449.173)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	342.232.683	1.749.408.267	(782.044.840)	1.309.596.110
Thuế thu nhập cá nhân	17.144.457	404.008.587	(373.368.474)	47.784.570
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>359.377.140</b>	<b>2.693.815.554</b>	<b>(1.695.812.014)</b>	<b>1.357.380.680</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu	0 %
- Dược phẩm	05 %
- Hoạt động khác	10 %

Riêng từ tháng ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, đơn vị được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc Hội.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.313.968.656)	11.043.778.336
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.334.682.643	4.075.289.421
- Các khoản điều chỉnh giảm	(273.672.652)	(402.818.087)
Thu nhập chịu thuế	8.747.041.335	14.716.249.670
Thu nhập được miễn thuế	-	(222.706.500)
Thu nhập tính thuế	8.747.041.335	14.493.543.170
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.749.408.267</b>	<b>2.898.708.634</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>1.893.796.974</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.749.408.267</b>	<b>4.792.505.608</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương thường phải trả cho nhân viên.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	656.172.780	579.141.946
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	221.469.250	163.978.486
<b>Cộng</b>	<b>877.642.030</b>	<b>743.120.432</b>

18. **Phải trả khác**

18a. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi	2.988.501.182	6.263.571.124
Kinh phí công đoàn	1.372.071.006	1.372.071.006
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	273.907.200	290.671.100
Cổ tức phải trả	251.578.750	251.578.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	49.826.157	98.303.305
<b>Cộng</b>	<b>4.935.884.295</b>	<b>8.276.195.285</b>

18b. **Phải trả dài hạn khác**

Khoản nhận ký quỹ của Công ty TNHH Hoá chất Dược phẩm Châu Ngọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm thuốc tiêm.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. **Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.281.503.450	131.246.816.947
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương <sup>(i)</sup>	100.281.503.450	131.246.816.947
Vay ngắn hạn các cá nhân	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay Ông Đặng Ngọc Hồ <sup>(ii)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>130.281.503.450</b>	<b>161.246.816.947</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, một số tài sản cố định hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.3, V.9, V.10, V.11) và được đảm bảo bằng tài sản của cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh số VIII.1a).

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đặng Ngọc Hồ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	161.246.816.947	210.024.029.038
Số tiền vay phát sinh	110.674.592.149	190.688.529.265
Số tiền vay đã trả	(141.639.905.646)	(245.128.179.594)
Chênh lệch tỷ giá	-	(25.638.777)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>130.281.503.450</b>	<b>155.558.739.932</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 20. Vốn chủ sở hữu

### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	454.949.495.778	795.798.494.278
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	6.189.225.628	6.189.225.628
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>210.885.368.500</b>	<b>(10.036.370.000)</b>	<b>461.138.721.406</b>	<b>801.987.719.906</b>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	465.172.442.817	806.021.441.317
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(5.085.673.266)	(5.085.673.266)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>210.885.368.500</b>	<b>(10.036.370.000)</b>	<b>460.086.769.551</b>	<b>800.935.768.051</b>

### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đào Hữu Hoàng	61.981.200.000	61.981.200.000
Ông Đào Hữu Hoàng Vũ	17.690.200.000	17.690.200.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	10.415.000.000	10.415.000.000
Bà Đỗ Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	37.613.600.000	37.613.600.000
Cổ phiếu quỹ	2.300.000.000	2.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>

### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2023 cho cổ đông với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số ĐHCĐ – NQ28/06/2024 ngày 28 tháng 6 năm 2024. Thời gian dự kiến tiến hành là trong năm 2024.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****21a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	15.082,95	97,53
Dollar Úc (AUD)	26,26	35,02

**21b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng đại diện APQ	13.668.571	13.668.571
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hưng Vạn Phát	4.529.250	4.529.250
Công ty Cổ phần Năng lượng A.S.V	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Ngôi Nhà Chung	279.837.713	279.837.713
Probactive Biotech Inc	87.663.150	87.663.150
Công ty Xuất Nhập khẩu Dược & Trang thiết bị y tế Việt Am	1.449.103.102	1.449.103.102
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V	68.370.000.000	68.370.000.000
Cá nhân khác	22.519.793	22.519.793
<b>Cộng</b>	<b><u>70.277.321.579</u></b>	<b><u>70.277.321.579</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	58.326.066.604	122.392.066.560
Doanh thu bán thành phẩm	116.482.603.734	127.499.961.752
Doanh thu cho thuê tài sản	872.727.270	872.727.270
<b>Cộng</b>	<b><u>175.681.397.608</u></b>	<b><u>250.764.755.582</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	711.577.774	418.397.815
Hàng bán bị trả lại	22.578.113.916	21.889.256.494
Giảm giá hàng bán	1.458.304.462	3.273.732.902
<b>Cộng</b>	<b><u>24.747.996.152</u></b>	<b><u>25.581.387.211</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	58.070.383.164	122.035.701.257
Giá vốn của thành phẩm đã bán	61.820.889.105	64.463.100.473
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(488.335.047)	(448.360.826)
<b>Cộng</b>	<b>119.402.937.222</b>	<b>186.050.440.904</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.794.993	1.371.597
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	222.706.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	64.783.659	78.999.791
<b>Cộng</b>	<b>66.578.652</b>	<b>303.077.888</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.006.198.682	6.483.054.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	117.699.352	105.702.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	192.006.076	15.340.690
Chi phí tài chính khác	29.917.800	-
<b>Cộng</b>	<b>4.345.821.910</b>	<b>6.604.096.943</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.119.499.256	666.653.651
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị	12.511.144.934	11.969.664.414
Các chi phí khác	217.636.366	300.444.243
<b>Cộng</b>	<b>13.848.280.556</b>	<b>12.936.762.308</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.937.446.326	2.739.921.199
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	590.459.925	936.326.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.668.874	449.851.416
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.538.063.159	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.027.743.504	506.042.404
Các chi phí khác	1.419.716.554	1.967.829.633
<b>Cộng</b>	<b>16.735.098.342</b>	<b>6.602.971.277</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	2.640.418.889
Chi phí khác	30.402	-
<b>Cộng</b>	<b>30.402</b>	<b>2.640.418.889</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.085.673.266)	6.189.225.628
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.085.673.266)	6.189.225.628
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.770.000	13.770.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(369)</b>	<b>449</b>

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.138.629.773	50.057.376.633
Chi phí nhân công	18.001.912.231	11.846.616.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.946.424.343	5.831.077.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.136.411.484	17.386.193.775
Chi phí khác	11.179.451.901	2.375.653.876
<b>Cộng</b>	<b>96.402.829.732</b>	<b>87.496.917.866</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	325.260.000	370.711.766
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	-	344.724.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị - Tiền thuê văn phòng	303.876.000	303.876.000
Các thành viên Hội đồng quản trị – Tạm ứng	-	63.851.186
Các thành viên Hội đồng quản trị – Mượn tiền	1.620.000.000	-

#### *Cam kết bảo lãnh*

Thành viên Hội đồng quản trị dùng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, 33, 34, 800, 802, tờ bản đồ số 42, Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tài sản đảm bảo vào ngày ký hợp đồng là 2.557.000.000 VND và khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với tổng số tiền là 10.000.000.000 VND để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4 và V.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị	300.200.000	300.200.000
Ông Nguyễn Thế Kỳ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Thành viên HĐQT từ ngày 28 tháng 6 năm 2024)	245.870.000	245.870.000
Ông Nguyễn Thế Quyền – Quyền Tổng Giám đốc	162.000.000	162.000.000
Ông Bùi Công Sơn – Giám đốc tài chính	119.870.000	119.870.000
Ông Võ Thành Nhân – Kế toán trưởng	148.106.000	145.106.000
<b>Cộng</b>	<b>976.046.000</b>	<b>973.046.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực khác: cho thuê nhà kho.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	129.886.242.163	214.164.193.629
Myanmar	2.516.269.956	8.924.065.300
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	9.007.551.080	2.095.109.442
Các nước khác	9.523.338.257	-
<b>Cộng</b>	<b>150.933.401.456</b>	<b>225.183.368.371</b>

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Võ Thành Nhân  
Người lập/Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024  
Nguyễn Thế Quyền  
Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 31 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BIỂU CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ tính	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phân	Lĩnh vực kinh doanh bằng bán được phân	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, trừ bán ngay	91.734.607.582	58.326.066.604	872.727.279	-	150.933.401.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ phân các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>91.734.607.582</b>	<b>58.326.066.604</b>	<b>872.727.279</b>	-	<b>150.933.401.456</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.985.317.598	(5.095.787.648)	792.653.728	-	17.682.183.678
Các chi phí không phát bổ theo bộ phận	-	-	-	(16.735.098.342)	(16.735.098.342)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.985.317.598	(5.095.787.648)	792.653.728	947.085.336	66.578.652
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	(4.345.821.910)	(4.345.821.910)
Chi phí tài chính	-	-	-	18.219.668	18.219.668
Thu nhập khác	-	-	-	(30.402)	(30.402)
Chi phí khác	-	-	-	(1.749.408.267)	(1.749.408.267)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(22.296.343)	(22.296.343)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>21.985.317.598</b>	<b>(5.095.787.648)</b>	<b>792.653.728</b>	<b>(5.085.673.266)</b>	<b>17.682.183.678</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.809.528.441</b>	-	-	-	<b>3.809.528.441</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.723.785.018</b>	-	-	-	<b>7.723.785.018</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>(226.271.888)</b>	-	<b>9.276.000.000</b>	-	<b>9.049.728.112</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	102.336.972.356	121.973.668.745	872.727.270	-	225.183.368.371
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>102.336.972.356</b>	<b>121.973.668.745</b>	<b>872.727.270</b>	<b>-</b>	<b>225.183.368.371</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.442.983.738	(7.069.407.754)	822.589.174	-	26.196.165.159
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(6.602.971.277)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					19.593.193.882
Doanh thu hoạt động tài chính					303.077.888
Chi phí tài chính					(6.604.096.943)
Thu nhập khác					392.022.398
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.640.418.889)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.792.505.608)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.042.496.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.189.225.628</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>9.042.496.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.042.496.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>6.832.102.219</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.832.102.219</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>(448.360.826)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(448.360.826)</b>

1198  
 CÔNG T  
 NHIỆM H  
 OÁN VÀ  
 I & C  
 TP HỒ



